TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST Ngày 27-6-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị N, nơi cư trú: Xóm Q, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Anh T, nơi cư trú: Xóm Q, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 4 năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại phường T, quận H đến khoảng năm 2008 thì chuyển về thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng ở cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng

chỉ hạnh phúc vui vẻ được khoảng một năm thì bắt đầu xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh T không chịu lao động để cùng chị gánh vác kinh tế gia đình, từ việc thu nhập của vợ chồng ít ỏi, C tiêu cho cuộc sống và con cái nhiều nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề và thường xuyên xẩy ra đánh cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân hơn hai năm nay, tuy sống chung một nhà nhưng cả hai không quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Trần Kim C sinh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và Trần Minh T sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Minh T cho chị nuôi dưỡng, đối với con chung Trần Kim C đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh T xác định lời khai của chị N về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dậy các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung như lời khai của chị N đã trình bày. Nếu giải quyết ly hôn anh T có quan điểm đề nghị Tòa án giao con Trần Minh T cho anh nuôi dưỡng, đối với con chung Trần Kim C đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phần thủ tục hỏi tại phiên tòa, anh Trần Anh T thay đổi quan điểm về quan hệ hôn nhân và con chung: Anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn hàng ngày, giữa anh và chị N xẩy ra mâu thuẫn cũng vì khó khăn về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống như chị N trình bày. Vì các con nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Do con chung Trần Minh T có nguyện vọng được ở với chị N nên anh cũng đồng ý theo nguyện vọng của con chung là để chị N nuôi dưỡng con chung Trần Minh T. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như anh đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao con chung Trần Minh T sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009 cho chị Vũ Thị N nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị N khởi kiện ly hôn với anh Trần Anh T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Anh T hiện đang cư trú tại thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thàn phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân từ khó khăn kinh tế giá đình dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau và do mâu thuẫn nên chị N và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N và anh T thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T có hai con chung là Trần Kim C sinh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và Trần Minh T sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Xét, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha, mẹ. Tại phiên tòa chị N và anh T thỏa thuận, ly hôn chị N nuôi con chung Trần Minh T, xét thỏa thuận của chị N và anh T là tự N, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận và giao con chung Trần Minh T cho chị N nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Trần Minh T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật. Đối với con chung Trần Kim C đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T thỏa thuận chị N nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm nên chấp nhận thỏa thuận của đương sự về án phí, chị N nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị N và anh Trần Anh T, giao con chung Trần Minh T sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với con chung Trần Kim C sinh ngày 22 tháng 10 năm 2003 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N nộp cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Vũ Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002568 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- C cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên